

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN Q

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

THÀNH PHỐ H

Bản án số 80 /2019/HSST

Ngày 23/11/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu T.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tạ Quang S.**

2. Bà **Nguyễn Thị H.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh S** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q viên tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/11/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 90/2019/HSST ngày 11/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/HSST-QĐXX ngày 12/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Q đối với bị cáo:

Vương Trung K, sinh năm 1996;

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn V, xã N, huyện Q, thành phố H; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc Kinh; Tôn giáo không; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ văn hoá 12/12; Con ông Vương Văn T; Con bà Nguyễn Thị T; Vợ, con Chưa có;

Tiền án, tiền sự không; Bị tạm giữ 9 ngày từ ngày 10/10/2019 đến ngày 19/10/2019; Bị cáo tại ngoại có mặt.

Người bị hại:

1- Chị **Nguyễn Thị Xuân P**, sinh năm 1983.

2- Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1981.

Đều trú tại: Thôn V, xã N, huyện Q, thành phố H, đều có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7giờ 45 phút, ngày 09/10/2019, K quan sát thấy cổng nhà chị P đóng khóa trong không có ai ở nhà đã trèo qua cổng để vào sân rồi dùng tay mở cánh cửa ngách dãy nhà cấp 4 (cửa khép không khóa) được thông với ngôi nhà 3 tầng của gia đình chị P. Sau đó K đi vào khu bếp thuộc nhà 3 tầng lấy 01 con dao tại gian tủ bếp. K tiếp tục đi đến gầm cầu thang tầng 1 lấy 01 chiếc mỏ lết sau đó K cầm theo dao và mỏ lết đi lên cầu thang đến phòng ngủ tại tầng 2. K thấy phòng ngủ của chị P đóng khóa cửa, biết phòng này là nơi để kết sắt có thể có tài sản, K đã dùng mỏ lết đập vỡ kính cửa phòng, sau đó thò tay vào bên trong vặn chốt khóa mở cửa để vào phòng. Khi vào trong phòng ngủ, K quan sát thấy 01 chiếc kết sắt để ngay phía cửa ra vào, K đã lấy 01 chiếc gối của vợ chồng anh T đặt dưới sàn nhà sau đó lật úp chiếc kết sắt đè lên chiếc gối để tránh gây tiếng động rồi dùng mũi dao kê vào phần kim loại mặt sau kết sắt và lấy mỏ lết đập vào phần sống dao để đục kết sắt. Khi làm bục phần kim loại, K tiếp tục dùng mỏ lết đập vỡ phần bê tông và dùng mũi dao, mỏ lết đập nốt phần kim loại lớp bên trong của kết sắt. Sau khi đập bục được lỗ thủng có kích thước khoảng (15x15)cm, K thò tay vào bên trong lấy được 01 tập tiền polime mệnh giá 500.000 đồng. Lúc này, K không kiểm tra xem có bao nhiêu tiền mà cất luôn vào túi quần. Sau đó K tiếp tục thò tay vào bên trong kết lấy ra được vài tờ tiền nước ngoài và 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ, K mở chiếc hộp thì thấy bên trong có 01 chiếc nhẫn màu vàng ghi 1 chỉ, K nghĩ khó tiêu thụ, dễ bị lộ nên vứt lại tại tấm đệm trải tại phòng ngủ. Sau đó K tiếp tục kiểm tra tủ quần áo thì phát hiện trên nóc tủ có 01 chiếc hộp nhựa màu xanh trắng, có khóa bằng mã số (dạng hộp đựng tiền tiết kiệm của trẻ em), do không mở được mã số nên kiên dùng dao cạy và lấy bên trong tổng số 200.000 đồng. Sau khi trộm cắp được số tài sản nêu trên, K cầm chiếc mỏ lết để vào vị trí ban đầu còn con dao K để lại trên mặt kết sắt rồi trèo qua cổng đi về nhà. Sau đó K có gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Quang H cùng thôn đến để đi chơi game, H đi xe máy đến đón K rồi cùng đi đến quán Internet anh C tại thôn Đ, xã C, huyện Q, TP H để chơi game. Tại đây K có đưa 200.000 đồng cho anh M. Trong đó 100.000 đồng nạp tiền vào tài khoản game của K và H và trả nợ 100.000 đồng cho anh M. Trong quá trình chơi game, K đi vào phòng vệ sinh để kiểm tra tài sản vừa trộm cắp được thì thấy có 25 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng được 12.500.000đồng. Vương Trung K và H chơi game đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì nghỉ. K thanh toán thêm 50.000 đồng cho anh M chủ quán tiền nước và thuốc lá rồi về. Trên đường về nhà, Vương Trung K có trả cho Nguyễn Quang H số tiền 400.000đồng là tiền K nợ H trước đó. Ngoài ra K có chi tiêu cá nhân hết số tiền 110.000 đồng và còn giữ lại trên người số tiền 11.940.000 đồng.

Sau khi bị mất tài sản, chị P đã trình báo cơ quan Công an, cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, điều tra xác minh. Đến 17 giờ ngày 10/10/2019 K bị Công an huyện Q giữ người trong trường hợp khẩn cấp và giao nộp số tiền còn lại là 11.940.000đồng.

*** Tang vật thu giữ:**

- + 01 con dao dài 32cm, chuôi dao bằng gỗ dài 12cm, lưỡi dao dài 20cm, bản rộng nhất 10cm, bản nhỏ nhất là 8,5cm
- + 01 mỏ lết dài 38cm tay cầm bọc cao su màu đỏ viền vàng.
- + Số tiền 11.940.000đồng do K tự giao nộp.
- + Số tiền 400.000đồng do H tự giao nộp là số tiền K trả nợ cho H.

*** Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:** Ngày 18/10/2019, cơ quan CSĐT – Công an huyện Q đã ra quyết định xử lý vật chứng số 62, trả lại số tiền 12.340.000 đồng cho bị hại là chị Nguyễn Thị Xuân P. Chị P đã nhận lại tài sản là 12.340.000 đồng.

Ngày 06/11/2019 ông Vương Văn T là bố đẻ của bị can Vương Trung K đã bồi thường tiếp cho gia đình chị Nguyễn Thị Xuân P số tiền 360.000 đồng để khắc phục hậu quả. Chị P đã nhận đủ tiền không có đề nghị gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị can Vương Trung K.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo Vương Trung K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai nhân chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 88/CT - VKS ngày 8/11/2019 của VKSND huyện Q đã truy tố bị cáo Vương Trung K về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố; Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Vương Trung K phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Không phạt tiền bổ sung bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Số tiền 12.700.000 đồng Cơ quan Điều tra đã thu hồi được trả lại cho bị hại và bị hại không có ý kiến gì nên nên không xem xét. Đối với con dao và chiếc mỏ lết là tài sản hợp pháp của bị hại nên trả lại cho bị hại.

Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát và Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phần nội dung: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 7 giờ 45 phút, ngày 09/10/2019, lợi dụng gia đình chị Nguyễn Thị Xuân P ở thôn V, xã N, huyện Q đi vắng, Vương Trung K đã trèo qua tường rào vào nhà của gia đình chị P và sử dụng 01 dao, 01 mỏ lết được lấy tại phòng bếp, gài cầu thang tại tầng 1 của gia đình chị P đục phá kết sắt tại phòng ngủ tầng 2 trộm cắp được 12.500.000 đồng và 200.000 đồng trong hộp nhựa để trên nóc tủ trong phòng. Tổng giá trị tài sản K chiếm đoạt là 12.700.000 đồng.

Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vương Trung K về Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của công dân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh cần phải xử nghiêm để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của địa phương.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện nộp cho cơ quan điều tra số tiền đã chiếm đoạt để trả lại cho bị hại; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo thành khẩn khai báo; Bị hại có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho cải tạo tại địa phương một thời gian cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Cơ quan Điều tra đã thu hồi được số tiền trả lại cho bị hại và bị hại không có ý kiến gì nên không xem xét. Đối với con dao và chiếc mỏ lết là tài sản hợp pháp của chị P, anh T nên trả lại cho chủ sở hữu.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Vương Trung K phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Wương Trung K 9 (chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo K cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Q, thành phố H quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể ra Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không phạt tiền bổ sung bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự: Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho anh T 01 chiếc mô tô; 01 con dao (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/11/2019 giữa Công an huyện Q và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

4. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hữu T